

Từ Nguyễn Du với Truyện Kiều bằng chữ Nôm nghĩ về Petrus Ký với chữ quốc ngữ

Trần Thạnh (PK 1968-1975)

Vài lời thưa trước: Trong bài này, tác giả chỉ muốn ghi lại những suy nghĩ của mình khi đọc tác phẩm nổi tiếng của đại thi hào Nguyễn Du. Tài liệu được lấy từ internet, nhiều nhất là từ website của Hội Bảo Tàng Di Sản Chữ Nôm tại Hoa Kỳ (<http://nomfoundation.org/>).

Tính phổ biến của Truyện Kiều

Có lẽ không có ai là người Việt Nam lớn lên ở quê nhà mà chưa từng một lần nghe một câu Kiều. Có những câu thơ mà nghe ra như những lời ca dao đã được ghi vào ký ức của mỗi người một cách tự nhiên:

*Vàng trắng ai xẻ làm đôi
Nửa in gói chiếc nửa soi dặm trường.*

Hãy so sánh lời thơ và âm điệu trong hai câu thơ trên với câu ca dao

*Hỡi cô tát nước bên đàng
Sao cô múc ánh trăng vàng đổ đi.*

Một số câu trong Truyện Kiều đã trở thành ngôn ngữ bình thường trong đời sống:

*Có trời mà cũng tại ta
Tu là cõi phúc tình là dây oan*

hay

*Mấy người bạc ác tình ma
Mình làm mình chịu kêu mà ai thương.*

Cũng bởi lời thơ quá phổ biến, không ít người quên rằng đại thi hào Nguyễn Du viết Truyện Kiều bằng chữ Nôm, là thứ chữ mà ngày nay đại đa số người Việt chúng ta không đọc được.

Các bản Truyện Kiều bằng chữ Nôm

Các nhà nghiên cứu đã tốn nhiều thời gian để truy tìm bản gốc của Truyện Kiều bằng chữ Nôm, hay nói đúng hơn là bản Truyện Kiều gần với nguyên tác nhất, vì một điều gần như chắc chắn là chúng ta không thể nào tìm được bản gốc, lúc đó chỉ là bản viết tay. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn đã dành trọn 50 năm để làm công việc này, mà Ông gọi là Kiều Tầm Nguyên. Hiện nay người ta biết có ít nhất 30 dị bản Kiều.

Trong số các bản in bằng chữ Nôm còn lưu lại xin chỉ nhắc đến hai bản quan trọng:

Tháng 5 năm 2004 một bản Kim Vân Kiều Tân Truyện của nhà sách Liễu Văn Đường được tìm thấy ở Nghệ An. Bản này được khắc in năm 1866, niên hiệu Tự Đức thứ 19.¹

Bản Kiều Oánh Mậu in năm 1902 với tựa “Đoạn Trường Tân Thanh”² là bản in khắc đẹp nhất, chữ Nôm viết khá quy phạm và có ý thức chuẩn hóa.

Các bản viết tay còn cổ hơn. Xin nhắc đến hai bản quan trọng:

1. Bản chép tay năm 1870 dưới triều Tự Đức. Bản này vốn được lưu giữ ở Sài Gòn trong một tủ sách tư gia, sau 1975, lại được bày bán ở chợ sách cũ. May mắn thay con trai của ông Đàm Quang Hưng, một nhà nghiên cứu về Truyện Kiều, đã mua được và gửi sang cho ông ở Hoa Kỳ. Sau đó Ông Đàm Quang Hưng đã tặng lại cho Ông Nguyễn Quảng Tuân, một thành viên Hội Đồng Khoa Học của Trung Tâm Nghiên Cứu Quốc Học, nên hiện giờ quyền sách quý giá này đã về lại Việt Nam.³
2. Trang mạng Việt Báo (một tờ báo điện tử ở Việt Nam) ngày 05 tháng 10 năm 2005 đưa tin về một bản chép tay Truyện Kiều vào năm 1834, niên hiệu Minh Mạng thứ 15. Xin trích nguyên văn một đoạn “*Cuốn Đoạn trường tân thanh là của một Việt kiều Pháp tặng có Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Phạm Văn Đồng, sau đó vào năm 1981 Chủ tịch tặng lại GS. Nguyễn Thạch Giang, vì nhiều lý do nên*

1 Nguyễn Quảng Tuân—Phiên âm - khảo dị, TRUYỆN KIỀU BẢN 1866, Bản Liễu Văn Đường—Nghệ An,

<http://nomfoundation.org/vn/du-an-nom/truyen-kieu/truyen-kieu-ban-1866>

2 Nguyễn Thắng, Công trình đi tìm bản gốc truyện Kiều của cô giáo sư Hoàng Xuân Hãn, <http://www.diendan.org/tai-lieu/bao-cu/so-065/kieu-h-x-han/?searchterm=>

3 Nguyễn Quảng Tuân, Châu Về Hợp Phố “Đoạn Trường Tân Thanh” Bản kinh do Nguyễn Hữu Lập chép tay năm 1870 Một Di Sản Văn Hóa Dân Tộc Vô Cùng Quý Giá.. http://www.nomfoundation.org/Conf2006/NQTuan_Kieu_1870.pdf

mãi đến nay GS mới cho công bố. Nhưng thật đáng tiếc – theo GS – nguyên bản chữ Nôm đã bị mối xông và phải thiêu hủy nên chúng ta không được mục sở thị” (<http://tuoitre.vn/Pages/Printview.aspx?ArticleID=101388>).

Thật đáng tiếc cho kho tàng văn học của chúng ta; từ người cầm quyền đến bậc trí thức đã không biết cách xử lý đúng đắn một tài sản quý báu của dân tộc.

Các dị bản Kiều

Có nhiều điểm khác nhau trong các bản Kiều bằng chữ Nôm còn lưu lại. Giáo sư Nguyễn Tài Căn thu thập được 9 bản Kiều cổ để nghiên cứu, và tìm thấy giữa các bản có khoảng 1700 câu khác nhau; nay đã thống nhất được khoảng 1300 câu.

Những điểm khác nhau này là do nhiều nguyên nhân:

1. Nguyên nhân thứ nhất là do “tam sao thất bản”, vì các bản đầu tiên được chép tay chuyển từ người này qua người kia.
2. Nguyên nhân thứ hai là người xưa hay có khuynh hướng sửa văn của người khác, nhất là các quan ở Kinh đô Huế. Chúng ta nên nhớ là Nguyễn Du chỉ thi đỗ Tú Tài trong khi các quan ở kinh đô là các ông Cử ông Nghè. Mà các cụ ngày xưa thường có quan niệm “văn mình vợ người”.
3. Nguyên nhân thứ ba là Truyện Kiều có nhiều chữ cổ nên đời sau không hiểu, sửa lại.
4. Và nguyên nhân thứ tư mà tác giả bài này muốn nhấn mạnh là vì sự phức tạp và thiếu chuẩn hóa của chữ Nôm.

Chúng ta thử lướt qua vài điểm khác biệt trong các bản Kiều được in hay chép tay. Ngay ở đoạn mở đầu mà có lẽ ai trong chúng ta cũng thuộc, Bùi Kỳ – Trần Trọng Kim ghi là

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy mà đau đớn lòng.*

Tuy nhiên, nhiều bản chữ Nôm lại ghi là

*Trải qua một cuộc bể dâu
Những điều trông thấy đã đau đớn lòng.*

Hai câu quen thuộc

*Cảo thơm lần giở trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh*

được nhiều bản chữ Nôm ghi là

*Cảo thơm lần giở trước đèn
Phong tình cổ lục còn truyền sử xanh.*

Thêm một ví dụ khác, hai câu thơ rất đẹp mà chúng ta quen đọc là

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều thướt tha*

thì bản chữ Nôm của Kiều Oánh Mậu in là

*Dưới cầu nước chảy trong veo,
Bên cầu tơ liễu bóng chiều la tha.*

Trong đoạn Nguyễn Du tả sắc đẹp của Thúy Kiều, chúng ta quen đọc:

Sắc đành đòi một tài đành họa hai

nhưng không hiểu được ĐÔI nghĩa là gì. Theo Giáo sư Hoàng Xuân Hãn, chữ ĐÔI ở đây không có nghĩa. Nhờ so sánh cách viết của chữ (mà nhiều người đọc là) ĐÔI này với chữ TRỤI trong câu

Mày râu nhẵn trụi, áo quần bảnh bao

Giáo sư kết luận chữ ĐÔI phải được đọc là TRÔI (như trong chữ “trơ trọi”), chữ của miền Hà Tĩnh. Theo Ông câu thơ đúng ra là

Sắc đành trụi một tài đành họa hai.

Nguyên nhân của các dị bản Kiều

Như trên đã nói, một trong những nguyên nhân của sự khác biệt của các bản Kiều là sự không thống nhất trong cách viết và đọc chữ Nôm. Có lẽ vì sự không thống nhất này, chữ Nôm chỉ được dùng như văn tự hành chính chính thức của quốc gia trong hai triều đại ngắn ngủi: triều Hồ Quý Ly và triều vua Quang Trung.

Vì sao chữ Nôm không phát triển được? Để trả lời câu hỏi này, chúng ta thử tìm hiểu một vài cách tạo chữ Nôm.

1. Giữ nguyên chữ Hán Việt: Chữ “tài” và “mệnh” trong câu “*Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau*” vì cũng là Hán tự nên được viết y như Hán tự.
2. Giữ cách viết, khác phát âm: Chữ “đánh” trong câu “*Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen*” được viết như chữ “đá” trong Hán tự (có nghĩa là “đánh”).

3. Ghép một chữ Hán-Việt có cùng ý và một chữ Hán-Việt khác có thanh gần giống. Rất nhiều chữ có cách viết này, ví dụ như trong câu “Trăm năm trong cõi người ta”, chữ “trăm” được viết bằng cách ghép chữ “bách” và chữ “lâm” 百林
4. Lấy nguyên âm chữ Hán hoặc chữ Hán có âm gần giống, dùng sang âm Nôm, mặc dù nghĩa Hán và Nôm khác nhau. Ví dụ chữ “qua” trong “*Trái qua một cuộc bể dâu*” dùng chữ “qua” Hán có nghĩa là đồ binh khí, như trong chữ “can qua”.

Một số khó khăn trong việc học chữ Nôm:

1. Có những chữ **cùng âm cùng nghĩa** nhưng lại **khác cách viết**, chứng tỏ không có sự thống nhất trong cách viết. Xin đơn cử một trong số rất nhiều ví dụ. Chữ “dầu” trong câu thứ 772

Dầu mồn bia đá dăm sai tác vàng

được Kiều Oánh Mậu (KOM) in là 𪛗 và Liễu Văn Đường (LVD) in là 𪛗. Nhưng cùng chữ “dầu” đó ở câu 776

Dầu rằng xương trắng què người quân dàu

KOM in là 𪛗 trong khi LVD in là 𪛗.

2. Một chữ viết có thể có nhiều **âm đọc khác nhau**, mỗi âm có **nghĩa khác nhau**. Chữ quốc ngữ không có trường hợp này, nhưng tiếng Anh có (ví dụ: động từ live và tính từ live; động từ lead và danh từ lead). Xin đơn cử một trong số rất nhiều ví dụ. Chữ “đâm” và “đem” trong hai câu thơ sau đây có cách viết giống nhau là 𪛗:

*Đầu tường lửa lựu lập lòe **đâm** bông.*

*Hãy **đem** dây xích buộc chân nàng về.*

3. Theo Vũ Văn Kính và Nguyễn Văn Khánh (Tự Vị Nôm, Đại học Văn Khoa Sài Gòn, 1970) trang 18 “... muốn đọc được đúng âm của bản văn Nôm, vị nào càng yên tâm bao nhiêu càng dễ đọc bấy nhiêu vì có yên bác thì có nhiều ý kiến sâu sắc và dễ đoán âm của bản văn đúng nghĩa.”

Với những khó khăn nêu trên, phải chăng chữ Nôm không được phát triển một cách hoàn chỉnh là vì chúng ta đã không có một nhà ngôn ngữ học để làm công việc mà Trương Vĩnh Ký đã làm với chữ quốc ngữ?

Chữ Nôm phức tạp như vậy, nhưng người Việt chúng ta vẫn biết rất nhiều về Truyện Kiều. Ngoài lý do vì Truyện Kiều là một kiệt tác thì nguyên nhân quan trọng hơn theo tôi là nhờ tác phẩm này đã được viết lại bằng chữ quốc ngữ, là thứ chữ viết của chúng ta hiện nay.

Petrus Ký và chữ quốc ngữ

Người đầu tiên làm công việc ghi lại Truyện Kiều từ chữ Nôm sang quốc ngữ không ai khác hơn là học giả Petrus Trương Vĩnh Ký. Trong khi bản in bằng chữ Nôm cũ nhất của Truyện Kiều mà chúng ta hiện biết là bản in năm 1866, thì bản in Truyện Kiều bằng quốc ngữ của Trương Vĩnh Ký lại được in sau đó không lâu, năm 1875 (xin xem bài *T'oung Pao và Ai Từ về Petrus Trương Vĩnh Ký* trong cùng Đặc San này).

Chúng ta đều biết chữ quốc ngữ được các cố đạo người Bồ Đào Nha sáng chế từ thế kỷ 16 trong mục đích truyền đạo, và đã được linh mục Alexandre de Rhodes (sống tại Việt Nam từ 1624 đến 1644) góp phần phát triển khá hoàn hảo.

Không phải chữ quốc ngữ không có khuyết điểm. Tiếng Việt có nhiều chữ có nguồn gốc từ Hán tự, và nhiều chữ thuộc loại này lại đồng âm và dị nghĩa. Cách viết theo Hán tự khác nhau không gây hiểu lầm, nhưng khi ký âm theo quốc ngữ lại giống nhau, vì vậy nhiều người không hiểu đúng được nghĩa của chữ mình dùng.

Ví dụ chúng ta nhiều khi hiểu sai ngữ nghĩa của những chữ thường dùng sau đây.

Chữ “minh” trong ba chữ “minh quân” (Hán tự: 明君), “minh chủ” (Hán tự: 盟主) và “u minh” (Hán tự: 幽冥) có nghĩa lần lượt là “sáng”, “thê”, và “u tối”. Chúng ta ít khi để ý biết sự khác biệt này.

Chữ “ngu” trong quốc hiệu Đại Ngu của nhà Hồ không có nghĩa là rất ngu dốt mà có nghĩa là rất yên vui.

Tuy nhiên bù lại với khuyết điểm đó là chữ quốc ngữ rất dễ học so với chữ Hán và chữ Nôm.

Trương Vĩnh Ký đã đóng vai trò gì trong sự phát triển của chữ quốc ngữ?

Trương Vĩnh Ký là người đầu tiên viết văn xuôi. Trước ông, các nhà Nho chỉ quen lối văn vần, hoặc biên-ngẫu với lối viết câu-kỳ phức tạp, đầy dẫy chữ Hán, điển-tích và sáo-ngữ.

Trương Vĩnh Ký là người Việt Nam đầu tiên làm báo. Ông thành lập và làm Giám đốc tờ Gia Định báo. Đây là tờ báo đầu tiên bằng chữ Quốc ngữ, được ra mắt ngày 15 tháng 4 năm 1865 tại Sài Gòn.^[1] Ông chính là ông tổ của ngành báo chí Việt Nam.

Trương Vĩnh Ký đã có công lớn trong việc phổ biến chữ quốc ngữ, từ việc dịch ra quốc ngữ các tác phẩm Hán, Nôm, và Pháp văn. Ngoài Đoàn Trường Tân Thanh, ông cũng là người đầu tiên chuyển ngữ quyển “Truyện Kiều của miền Nam”, tức Lục Vân Tiên của Cụ Nguyễn Đình Chiểu, từ chữ Nôm sang Quốc Ngữ.

Đôi điều suy nghĩ

Để kết thúc bài viết, tác giả xin nêu ra một vấn đề để người đọc cùng suy ngẫm. Khi Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ lên ngôi vua năm 1788, Nguyễn Du đã được 23 tuổi. Vua Quang Trung là một trong hai vị vua đã chủ trương dùng chữ Nôm trong các văn tự hành chính. Nguyễn Du đã không cộng tác với nhà Tây Sơn, có lúc ông còn tìm cách trốn vào Nam để phò giúp chúa Nguyễn. Khi vua Gia Long thống nhất đất nước, ông ra làm quan cho tân triều, dù là có phần miễn cưỡng. Ông là một đại thi hào chứ không phải một nhà ngữ học như Petrus Ký, nên ông đã không thể giúp chuẩn hóa được cách viết chữ Nôm, là điều mà có lẽ vua Quang Trung mong ước.

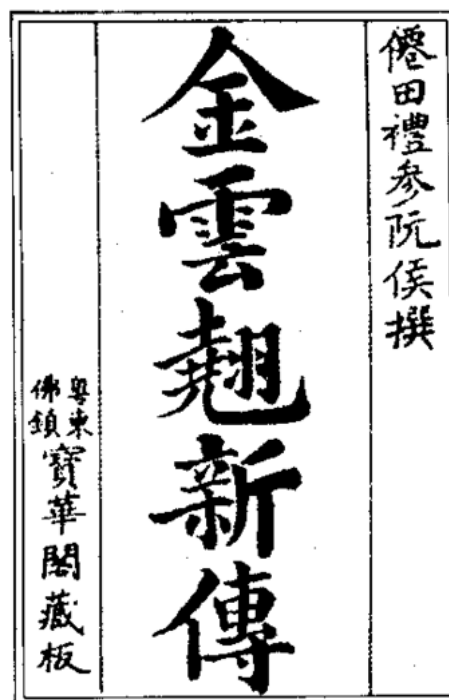
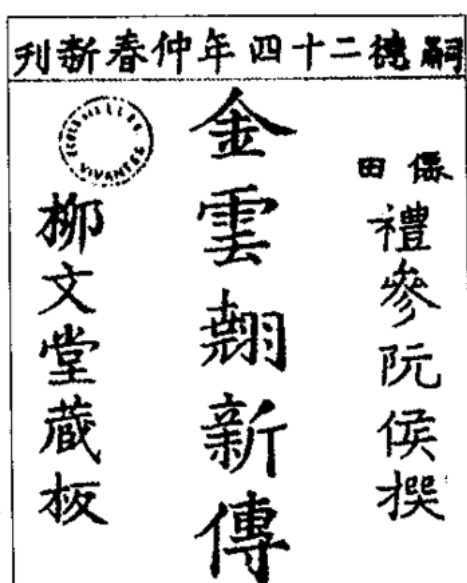
Trương Vĩnh Ký bước vào tuổi trưởng thành khi tàu của Pháp và Y Pha Nho nổ súng bắn phá cảng Đà Nẵng (1858). Xuất thân từ một gia đình công giáo, Ông chọn con đường hợp tác với Pháp với ước mong dùng văn minh Pháp để canh tân đất nước. Ông không phải là một nhà thơ lớn như Nguyễn Du nên đã không để lại cho hậu thế một kiệt tác như Đoàn Trường Tân Thanh. Nhưng là một nhà bác ngữ học lỗi lạc, trong một thời gian ngắn ông đã giúp phổ biến chữ quốc ngữ. Thứ chữ viết này ngày nay được dùng trong giáo dục Việt Nam ở mọi cấp, và trong mọi lãnh vực nghiên cứu, dù là khoa học hay nhân văn.

Hai cuộc đời của hai thiên tài, hai sự chọn lựa xuất xứ khác nhau. Có công bằng không những ý kiến chỉ trích thái độ xuất thế giúp đời của Trương Vĩnh Ký?

[1] Trương Vĩnh Ký và Gia Định báo, tác giả Trần Xuân Tiên (Theo Tạp chí Văn, 6-2012)

<http://www.canhostnews.vn/Default.aspx?tabid=233&NDID=27020>

Xin xem thêm bài *Về một số báo chí Nam-kỳ thời đầu văn-học chữ quốc-ngữ* của Nguyễn Vy Khanh trong Đặc San này.



Bìa bản *Kim Vân Kiều Tân Truyện* của Liễu Văn Đường. Nguồn: wikipedia.